TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 46/2019/HS-ST
Ngày: 24/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Vũ Linh**.
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Lơn.**
2. Bà Bùi Thị Truyền.
- Thư ký phiên tòa: **Bà Bùi Thị Bích -** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: **Ông Trần Thanh Sơn -** Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HS ngày 21/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-HS ngày 07/7/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-HS ngày 08/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-HS ngày 04/9/2019, đối với bị cáo:

BÙI VĂN T - sinh năm: 1997 tại Nha Trang, Khánh Hòa; nơi cư trú: tổ 4 thôn P, xã V, Tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi P - sinh năm: 1967 và bà Nguyễn Thị L - sinh năm: 1968;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo hiện đang thi hành án tại trạm giam Xuân Phước, tỉnh Phú Yên (theo bản án số (theo bản án số 292/2018/HSST ngày 23/11/2018 và Quyết định thi hành án số 263/2018/QĐ-CA ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân ân Tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***- Bị hại*:** Ông Lê Nhật H - sinh năm: 1999.
Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa
Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:
1. Bà Lê Thị Diệu T – sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 06, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Cao Hữu T – sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà Nguyễn Võ Thảo V – sinh năm 1999.

Nơi cư trú: T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/10/2018 Bùi Văn T đi cùng bạn vào tiệm Internet tại tổ dân phố 04, phường N, thị xã N để chơi. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T và bạn đi về, khi ra đến trước cửa tiệm, T nhìn thấy xe mô tô hiệu Sirius biển số 79H-599.92 của ông Lê Nhật Huy đang dựng không có người trông coi, T nói bạn về trước rồi lấy đoản sắt giấu sẵn trong người, đến đút vào ổ khóa xe, bẻ khóa rồi nổ máy chạy đi. Sau đó T mang xe vừa lấy được đến xã N, thị xã N bán cho một người tên Lỳ (quen qua mạng xã hội, không rõ nhân thân lai lịch) lấy 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 108/KL-HĐĐG ngày 20/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thị xã N kết luận xe mô tô biển số 79H-599.92 có giá trị 20.700.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS-HS ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N đã truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 - Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Bùi Văn T; đề nghị xử phạt bị cáo T từ *18 tháng đến 24 tháng* tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa hôm nay, bị hại vắng mặt nhưng tại cơ quan điều tra có yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe mô tô biển số 79H-599.92 là 20.000.000 đồng, bị cáo đồng ý mức bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và ghi nhận.

Về vật chứng vụ án: gồm 01 bình xịt hơi cay, 01 đoản dùng bẻ khóa xe, 01 biển số xe 77H-6705 là công cụ, phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu và tiêu hủy.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Thủ tục tố tụng:* Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thị xã N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã N và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Xét hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng nêu trên. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, tạo tâm lý bất an cho người dân trong việc quản lý, giữ gìn tài sản của mình. Bị cáo nhận thức được trộm cắp tài sản là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội. Bị cáo chỉ vì lợi ích cá nhân và để có tiền tiêu xài nên đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại mà có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản gây thiệt hại cho bị hại với số tài sản có tổng trị giá là 20.700.000 đồng (hai mươi triệu bảy trăm ngàn đồng).

Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, có đủ căn cứ khẳng định bản cáo trạng số 32/CT-VKS-HS ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng sự cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] *Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 - Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, tu dưỡng trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] *Trách nhiệm dân sự*: Tại phiên tòa, bị hại Lê Nhật H vắng mặt nhưng trong hồ sơ vụ án có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000 đồng đối với chiếc xe mô tô biển số 79H-599.92, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu người bị hại. Vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường 20.000.000 đồng của bị cáo đối với bị hại.

[5] *Án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; 236; 327 và Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường 20.000.000 đồng của bị cáo đối với bị hại.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 1.000.000 đồng (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Vũ Linh

Nơi nhận:
- Toà án ND Tỉnh Khánh Hoà;
- VKS TX N;
- Công an TX N;
- Chi cục THA Dân sự TX N;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn.